

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

Khoa Tài chính – Ngân hàng

Bộ môn Tiền tệ - Ngân hàng

**ĐỀ THI TRẮC NGHIỆM**  
**Môn học: Tài chính Tiền tệ (60 tiết)**

**A. MỨC ĐỘ DỄ**

**Chương 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ TÀI CHÍNH VÀ TIỀN TỆ**

1. Trong các thuật ngữ sau đây, thuật ngữ nào phù hợp với khái niệm về tiền tệ của các nhà kinh tế:

- a. Tiền học phí
- b. Séc
- c. Tiền gửi thanh toán
- d. Thuế

2. Tiền pháp định là:

- a. Séc
- b. Không thể chuyển đổi sang kim loại quý hiếm
- c. Thẻ tín dụng
- d. Tiền xu

3. Để một hàng hoá có thể trở thành tiền, hàng hoá đó phải:

- a. Do chính phủ sản xuất ra
- b. Được chấp nhận rộng rãi
- c. Được hỗ trợ bằng vàng hoặc bạc
- d. b và c

4. Tài sản nào sau đây sau có tính lỏng cao nhất:

- a. Nguyên liệu, vật liệu trong kho
- b. Đầu tư chứng khoán
- c. Khoản phải thu khách hàng
- d. Ngoại tệ gửi ngân hàng

5. Tiền giấy ngày nay:

- a. Chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ trong tổng các phương tiện thanh toán
- b. Được phép đổi ra vàng theo tỷ lệ do luật định
- c. Cả a và b

6. Tiền giấy lưu hành ở Việt nam ngày nay:

- a. Vẫn có thể đổi ra vàng theo một tỷ lệ nhất định do Ngân hàng nhà nước qui định
- b. Có giá trị danh nghĩa lớn hơn nhiều so với giá trị thực của nó
- c. Cả a và b

7. Nguyên nhân nào dưới đây đưa đến việc áp dụng tiền giấy bất khả hoán (tiền giấy không có khả năng đổi ra vàng) rộng khắp các nước tư bản:

- a. Chiến tranh thế giới lần thứ I
- b. Các mỏ vàng ở Brazil bị cạn kiệt
- c. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1929-1933
- d. a và c

8. Séc du lịch:

- a. Có thể ký phát với bất kỳ số tiền nào
- b. An toàn vì là séc đích danh
- c. Cả a và b

9. Hình thức thanh toán nào sau đây cho phép người sử dụng “tiền trước, trả tiền sau”:

- a. Thanh toán bằng thẻ ghi nợ
- b. Thanh toán bằng thẻ tín dụng
- c. Thanh toán bằng séc doanh nghiệp
- d. Thanh toán bằng séc du lịch.

10. Hoạt động thanh toán thẻ phát triển làm cho:

- a. Tỷ lệ nắm giữ tiền mặt tăng lên
- b. Tỷ lệ nắm giữ tiền mặt giảm
- c. Tốc độ lưu thông tiền tệ tăng lên
- d. b và c

11. Trong các chức năng của tiền tệ:

- a. Chức năng phương tiện trao đổi phản ánh bản chất của tiền tệ
- b. Chức năng cất trữ giá trị là chức năng chỉ thấy ở tiền tệ
- c. Cả a và b

12. Các quan hệ tài chính:

- a. Xuất hiện chủ yếu trong khâu phân phối lại
- b. Gắn liền với việc phân bổ các nguồn vốn tiền tệ trong nền kinh tế
- c. Cả a và b

**13. Tài chính doanh nghiệp thuộc loại:**

- a. Quan hệ tài chính hoàn trả có điều kiện
- b. Quan hệ tài chính không hoàn trả
- c. Quan hệ tài chính nội bộ

**14. Tín dụng thuộc loại:**

- a. Quan hệ tài chính hoàn trả có điều kiện
- b. Quan hệ tài chính có hoàn trả
- c. Quan hệ tài chính nội bộ

**15. Bảo hiểm thuộc loại:**

- a. Quan hệ tài chính hoàn trả có điều kiện
- b. Quan hệ tài chính có hoàn trả
- c. Quan hệ tài chính không hoàn trả

**Chương 2. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH**

**16. Thị trường chứng khoán tập trung có đặc điểm nào sau đây:**

- a. Thành viên tham gia trên thị trường có hạn
- b. Giá cả không có tính chất đồng nhất
- c. Mua bán qua trung gian
- d. a và c

**17. Trên thị trường tiền tệ, người ta mua bán:**

- a. Các loại cổ phiếu
- b. Trái phiếu kho bạc
- c. Tín phiếu kho bạc
- d. Cả a, b và c

**18. Thị trường tiền tệ:**

- a. Là thị trường tài trợ cho những thiếu hụt về phương tiện thanh toán của các chủ thể kinh tế
- b. Là nơi diễn ra các giao dịch về vốn có thời hạn từ hai năm trở xuống.
- c. Cả a và b

**19. Thị trường vốn:**

- a. Là thị trường cung ứng vốn đầu tư cho nền kinh tế
- b. Lưu chuyển các khoản vốn có kỳ hạn sử dụng trên 1 năm
- c. Cả a và b

**20. Trên thị trường vốn, người ta mua bán:**

- a. Trái phiếu ngân hàng
- b. Chứng chỉ tiền gửi
- c. Thương phiếu
- d. Cả a, b và c

**21. Những đặc điểm nào thuộc về thị trường sơ cấp:**

- a. Là thị trường mua bán lần đầu tiên các chứng khoán vừa mới phát hành
- b. Được tổ chức hoạt động dưới hình thức các Sở giao dịch
- c. Cả a và b

**22. Những đặc điểm nào thuộc về thị trường thứ cấp:**

- a. Là thị trường huy động vốn cho các nhà phát hành
- b. Được tổ chức hoạt động dưới hình thức tập trung hoặc phi tập trung
- c. Cả a và b

**23. Những đặc điểm nào thuộc về thị trường chứng khoán tập trung:**

- a. Giao dịch tại các quầy ngân hàng
- b. Mua bán chứng khoán qua trung gian môi giới
- c. Cả a và b

**24. Một doanh nghiệp hợp tác với một công ty chứng khoán để phát hành một đợt trái phiếu mới sẽ tham gia vào giao dịch trên thị trường ....., thị trường .....**

- a. cấp 2, tiền tệ
- b. cấp 2, vốn
- c. cấp 1, tiền tệ
- d. cấp 1, vốn

**25. Một trái phiếu 5 năm do ngân hàng ABC phát hành năm tháng 3/2006 bây giờ sẽ được giao dịch ở:**

- a. Thị trường tiền tệ sơ cấp
- b. Thị trường tiền tệ thứ cấp
- c. Thị trường vốn sơ cấp
- d. Thị trường vốn thứ cấp
- e. Không thị trường nào cả

**26. Công cụ nào sau đây có tính lỏng và độ an toàn cao nhất:**

- a. Chứng chỉ tiền gửi
- c. Thương phiếu

- b. Tín phiếu kho bạc  
d. Hợp đồng mua lại
- 27. Đặc điểm nào đúng với trái phiếu:**
- a. Lãi trái phiếu phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp  
b. Được hoàn trả vốn gốc khi đáo hạn  
c. Cả a và b
- 28. Đặc điểm nào đúng với trái phiếu:**
- a. Lãi trái phiếu phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp  
b. Thời hạn hoàn trả vốn thường từ 2 năm trở lên  
c. Cả a và b
- 29. Điểm chung giữa cổ phiếu ưu đãi và cổ phiếu thường là:**
- a. Tỷ lệ cổ tức thay đổi tùy theo kết quả kinh doanh của công ty  
b. Điều được quyền sở hữu tài sản ròng của công ty  
c. Cả a và b
- 30. Nhân tố ảnh hưởng đến giá trái phiếu doanh nghiệp trên thị trường là:**
- a. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp  
b. Lãi suất trên thị trường  
c. Lạm phát dự tính  
d. b và c
- 31. Đặc điểm nào sau đây đúng với cổ phiếu ưu đãi:**
- a. Cổ tức được thanh toán trước cổ phiếu thường  
b. Cổ tức phụ thuộc vào kết quả kinh doanh  
c. Có thời hạn hoàn trả tiền gốc  
d. a và b
- 32. Khi một cổ đông A của Ford bán cổ phiếu cho một cổ đông B trên thị trường thứ cấp thì số tiền mà Ford nhận được là:**
- a. Hầu hết số tiền bán cổ phiếu trừ tiền hoa hồng  
b. Không gì cả  
c. Tiền hoa hồng của việc mua bán này  
d. Một tỷ lệ tiền nhất định đối với mỗi cổ phiếu được giao dịch trên thị trường thứ cấp

### Chương 3. TRUNG GIAN TÀI CHÍNH

- 33. Rào cản cho việc lưu chuyển vốn trực tiếp qua thị trường tài chính là:**
- a. Chi phí thông tin  
b. Chi phí giao dịch  
c. Cả a và b
- 34. Quỹ đầu tư cho phép các nhà đầu tư tham gia vào quỹ bất cứ lúc nào thuộc loại:**
- a. Quỹ đầu tư mở  
b. Không có quỹ đầu tư nào cho phép như vậy  
c. Quỹ đầu tư đóng
- 35. Các công ty tài chính chuyên:**
- a. huy động các khoản vốn lớn rồi chia nhỏ ra để cho vay  
b. tập hợp các khoản vốn nhỏ lại thành khoản lớn để cho vay  
c. Cả a và b
- 36. Ngân hàng thương mại ngày nay:**
- a. được xem là cầu nối giữa người đi vay và cho vay  
b. được phép phát hành tiền giấy  
c. Cả a và b
- 37. Các ngân hàng thương mại:**
- a. Cung cấp tín dụng chủ yếu cho lĩnh vực thương mại và công nghiệp  
b. Huy động vốn chủ yếu thông qua các dịch vụ gửi tiền và thanh toán  
c. Cả a và b
- 38. Ngân hàng huy động vốn nhiều nhất từ chủ thể nào:**
- a. Nhà nước  
b. Doanh nghiệp  
c. Các cá nhân và hộ gia đình
- 39. Tài khoản tiền gửi thanh toán:**
- a. Cho phép người gửi tiền được phép rút ra bất cứ lúc nào  
b. Trả lãi thấp nhất trong các dạng tiền gửi  
c. Cả a và b

**40. Vốn điều lệ của ngân hàng thương mại:**

- a. Tối thiểu phải bằng vốn pháp định
- b. Không được phép thay đổi trong suốt quá trình hoạt động
- c. Cả a và b

**41. Chức năng nào sau đây KHÔNG phải là chức năng của NHTM:**

- a. Chức năng trung gian tín dụng
- b. Chức năng trung gian thanh toán
- c. Chức năng thay đổi chính sách chiết khấu
- d. Chức năng “tạo tiền”

**42. Trong bảng tổng kết tài sản của một NHTM, khoản mục nào sau đây KHÔNG thuộc Tài sản nợ:**

- a. Tiền gửi, tiền vay các NHTM khác
- b. Tiền gửi tiết kiệm của khách hàng
- c. Cho vay và đầu tư chứng khoán
- d. Vốn tự có và các quỹ

**43. Tài sản nào KHÔNG phải là Tài sản có của ngân hàng:**

- a. Dự trữ vượt mức
- b. Trái phiếu chính phủ
- c. Tài khoản vãng lai
- d. Cho vay thế chấp

**44. Đối với các ngân hàng thương mại, nguồn vốn nào sau đây chiếm tỷ trọng lớn nhất:**

- a. Nguồn vốn huy động tiền gửi
- b. Vốn đi vay từ NHTW
- c. Vốn tự có
- d. Vay từ các tổ chức tài chính khác

**45. Các hoạt động sử dụng vốn của ngân hàng thương mại bao gồm:**

- a. Cung cấp các dịch vụ thanh toán
- b. Cho vay ngắn hạn và dài hạn
- c. Cả a và b

**46. Khi cho vay bảo đảm bằng tài sản, ngân hàng:**

- a. Sẽ nắm giữ các tài sản nếu đó là các động sản
- b. Sẽ nắm giữ tài sản nếu là khoản cho vay cầm cố
- c. Cả a và b

**47. Nghiệp vụ nào KHÔNG phải là nghiệp vụ trung gian của NHTM:**

- a. Nghiệp vụ hối đoái
- b. Nghiệp vụ thư tín dụng
- c. Nghiệp vụ tín thác
- d. Nghiệp vụ cho vay

**48. Những tổ chức nào sau đây được làm trung gian thanh toán:**

- a. Ngân hàng thương mại
- b. Công ty tài chính
- c. Quỹ đầu tư
- d. Cả a, b và c

**49. Đặc điểm nào đúng với tiền gửi có kỳ hạn:**

- a. Người gửi tiền không thể rút vốn trước hạn
- b. Người gửi tiền nhằm mục đích hưởng lãi

**50. Số nhân tiền tăng lên khi:**

- a. Các giao dịch thanh toán bằng tiền mặt tăng lên
- b. Ngân hàng thương mại giảm dự trữ vượt mức
- c. Hoạt động thanh toán bằng thẻ trở nên phổ biến hơn
- d. b và c

**51. Quỹ tài chính của công ty bảo hiểm thương mại KHÔNG hình thành từ:**

- a. Sự hỗ trợ của ngân sách nhà nước
- b. Phí bảo hiểm
- c. Lãi đầu tư
- d. b và c

**52. Điểm khác biệt giữa ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính phi ngân hàng là:**

- a. Quản lý quỹ đầu tư
- b. Tư vấn tài chính cho các doanh nghiệp.
- c. Huy động tiền gửi từ dân cư
- d. Kinh doanh ngoại hối

**53. Ngân hàng nào là ngân hàng lớn nhất Việt Nam:**

- a. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- b. Ngân hàng Ngoại thương
- c. Ngân hàng Đầu tư phát triển

d. Ngân hàng Công thương

**54. Phương thức thanh toán phổ biến nhất hiện nay trong quan hệ ngoại thương:**

- a. Chuyển tiền
- b. Séc
- c. Nhờ thu
- d. Tín dụng chứng từ

#### **Chương 4. NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ**

**55. Ngân hàng trung ương có nhiệm vụ:**

- a. Phát hành tiền
- b. Làm trung gian thanh toán cho các ngân hàng trong nước
- c. Cả a và b

**56. Ngân hàng trung ương có nhiệm vụ:**

- a. Ổn định giá trị đồng nội tệ
- b. Cung cấp vốn cho các dự án đầu tư của chính phủ
- c. Cả a và b

**57. Ngân hàng trung ương ngày nay:**

- a. Chịu trách nhiệm quản lý vĩ mô về hoạt động tiền tệ, tín dụng và ngân hàng
- b. Cung cấp vốn kinh doanh ban đầu cho các ngân hàng
- c. Cả a và b

**58. Khi thực thi chính sách tiền tệ, mục tiêu tăng trưởng kinh tế luôn đi kèm với:**

- a. Ổn định lãi suất
- b. Tạo công ăn việc làm
- c. Ổn định giá cả
- d. Cả a, b và c

Chọn 1 trong 2 câu 59 và 60:

**59. Trong các mục tiêu của chính sách tiền tệ:**

- a. Mục tiêu ổn định giá cả và giảm thất nghiệp chỉ mâu thuẫn với nhau trong ngắn hạn
- b. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế và tạo công ăn việc làm thống nhất với nhau
- c. Cả a và b

**60. Trong các mục tiêu của chính sách tiền tệ:**

- a. Mục tiêu ổn định giá cả và giảm thất nghiệp chỉ mâu thuẫn với nhau trong ngắn hạn
- b. Mục tiêu kiềm chế lạm phát và tăng trưởng kinh tế mâu thuẫn với nhau trong dài hạn
- c. Cả a và b

**61. Chính sách tiền tệ KHÔNG sử dụng công cụ:**

- a. Nghiệp vụ thị trường mở
- b. Nghiệp vụ chiết khấu thương phiếu
- c. Tỷ lệ dự trữ quá mức
- d. b và c

**62. Công cụ chính sách tiền tệ nào giúp NHTW có sự chủ động cao nhất:**

- a. Dự trữ bắt buộc
- b. Lãi suất tái chiết khấu
- c. Thị trường mở
- d. Cả ba công cụ trên

**63. Nếu NHTW muốn thắt chặt tiền tệ để chống lạm phát, NHTW có thể:**

- a. Tăng dự trữ bắt buộc
- b. Mua chứng khoán trên thị trường mở
- c. Hạ lãi suất tái chiết khấu
- d. a và b

**64. Tiền dự trữ bắt buộc của ngân hàng thương mại nằm tại:**

- a. Chính ngân hàng thương mại đó
- b. Ngân hàng Trung ương
- c. Kho bạc Nhà nước
- d. Cả a và b

**65. Lãi suất tái chiết khấu là:**

- a. Lãi suất của các khoản vay liên ngân hàng qua đêm
- b. Lãi suất NHTM cho khách hàng tốt nhất vay
- c. Là lãi suất do NHTW ấn định
- d. Là lãi suất do NHTW cho các NHTM vay



**66. Quy định tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhằm mục đích:**

- a. Đảm bảo khả năng thanh toán
- b. Thực hiện chính sách tiền tệ
- c. Tăng thu nhập cho NHTM
- d. a và b

**67. Chỉ tiêu nào hay được dùng để phản ánh mức độ lạm phát:**

- a. Chỉ số giảm phát GNP
- b. Tốc độ tăng của chỉ số CPI
- c. Cả a và b

**68. Trong điều kiện nền kinh tế có lạm phát:**

- a. Lãi suất tiền gửi có thể không tăng theo kịp lạm phát làm cho lãi suất thực âm
- b. Nên nắm giữ tiền mặt thay vì gửi tiền ngân hàng
- c. Cả a và b

Chọn 1 trong 2 câu 69 và 70:

**69. Lạm phát có nguy cơ xảy ra khi:**

- a. Ngân sách nhà nước bị thâm hụt trầm trọng kéo dài
- b. NHTW liên tục in thêm tiền
- c. Cả a và b

**70. Lạm phát xảy ra khi:**

- a. Ngân sách nhà nước bị thâm hụt
- b. NHTW liên tục in thêm tiền
- c. Cả a và b

**71. Trong các chỉ tiêu sau, chỉ tiêu nào thường được dùng nhất để phản ánh mức độ lạm phát của nền kinh tế:**

- a. Tốc độ tăng của chỉ số CPI
- b. Tốc độ tăng của chỉ số PPI
- c. Tốc độ tăng của giá vàng
- d. Tốc độ tăng giá ngoại hối

**72. Trong điều kiện nền kinh tế có lạm phát, người nào sau đây có lợi:**

- a. Người đi vay tiền
- b. Người giữ ngoại tệ
- c. Người gửi tiền

## Chương 5. LÃI SUẤT

**73. Khi bạn dự đoán lãi suất có xu hướng tăng lên trong tương lai, nếu bạn có 10 triệu đồng, hình thức đầu tư sinh lời nào sau đây bạn chọn:**

- a. Mua tín phiếu kho bạc thời hạn 6 tháng với lãi suất 7.1%/năm
- b. Mua trái phiếu chính phủ thời hạn 2 năm với lãi suất 7.2% năm
- c. Gửi tiền tiết kiệm thời hạn 2 năm với lãi suất 7.2%/ năm

**74. Loại lãi suất nào áp dụng phương pháp trả lãi trước:**

- a. Lãi suất bao thanh toán
- b. Lãi suất đầu kỳ
- c. Cả a và b

**75. Trong trường hợp nào lãi suất ngoại tệ cao hơn lãi suất nội tệ:**

- a. Đồng nội tệ dự tính sẽ lên giá so với ngoại tệ
- b. Đồng ngoại tệ dự tính sẽ tăng giá so với nội tệ
- c. Cả a và b đều sai

**76. Trong trường hợp nào lãi suất tiền gửi VND cao hơn lãi suất tiền gửi USD:**

- a. Tỷ giá VND/USD dự tính tăng trong thời gian tới
- b. Tỷ giá VND/USD dự tính giảm trong thời gian tới ( $VND/USD = x \leftrightarrow 1 USD = x VND$ )
- c. Cả a và b đều sai

**77. Lãi suất:**

- a. Phản ánh chi phí của việc vay vốn
- b. Phản ánh mức sinh lời từ đồng vốn cho vay
- c. Cả a và b

**78. Lãi suất tái chiết khấu phải đảm bảo:**

- a. thấp hơn lãi suất chiết khấu để ngân hàng trung gian không bị thiệt
- c. Cả a và b

- b. thấp hơn lãi suất chiết khấu để khuyến khích các ngân hàng cho vay
- 79. Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng:**
- a. Sẽ cố định trong suốt kỳ hạn đó  
b. Sẽ thay đổi tùy theo lãi suất trên thị trường
- c. Cả a và b đều sai
- 80. Lãi suất liên ngân hàng sẽ chịu sức ép phải tăng lên khi:**
- a. Lãi suất tái chiết khấu tăng  
b. Lãi suất chiết khấu tăng
- c. Cả a và b

## **Chương 6. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**

- 81. Trong hệ thống tài chính, tài chính doanh nghiệp có vị trí:**
- a. Chủ đạo  
b. Trung tâm  
c. Cơ sở  
d. Quan trọng
- 82. Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp cho biết:**
- a. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp  
b. Tài sản của doanh nghiệp được tài trợ như thế nào  
c. Quy mô vốn kinh doanh của doanh nghiệp
- d. b và c  
e. a và c
- 83. Trong bảng tổng kết tài sản, hình thức nào sau đây làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp?**
- a. Lợi nhuận để lại  
b. Phát hành cổ phiếu  
c. Phát hành trái phiếu  
d. Chia cổ tức cho cổ đông
- 84. Tài sản lưu động của doanh nghiệp sẽ tăng khi:**
- a. Doanh nghiệp mua nguyên vật liệu thanh toán sau  
b. Doanh nghiệp vay ngắn hạn từ ngân hàng
- c. Cả a và b
- 85. Tổng vốn lưu động của doanh nghiệp sẽ giảm khi:**
- a. Doanh nghiệp mua nguyên vật liệu thanh toán ngay  
b. Doanh nghiệp trả nợ ngắn hạn cho ngân hàng
- c. Cả a và b
- 86. Doanh nghiệp lập dự phòng khoản phải thu khó đòi, khoản này sẽ:**
- a. Giảm quy mô tài sản doanh nghiệp  
b. Không ảnh hưởng đến quy mô tài sản của doanh nghiệp.
- c. Tính vào chi phí sản xuất  
d. a và c
- 87. Để lập quỹ dự trữ bắt buộc, doanh nghiệp phải lấy từ nguồn nào sau đây:**
- a. Doanh thu  
b. Vốn chủ sở hữu  
c. Lợi nhuận ròng  
d. Vốn pháp định
- 88. Tài sản nào sau đây KHÔNG phải là tài sản cố định của doanh nghiệp theo pháp luật hiện hành của Việt Nam:**
- a. Ô-tô tải dùng cho SXKD  
b. Nhà xưởng  
c. Máy vi tính (giá 7 triệu đồng) dùng cho quản lý DN  
d. Chứng khoán đầu tư dài hạn của DN
- 89. Thông thường, những doanh nghiệp có máy móc thiết bị có tốc độ hao mòn vô hình lớn sẽ lựa chọn phương pháp khấu hao nào sau đây:**
- a. Khấu hao nhanh  
b. Phương pháp khấu hao không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh  
c. Khấu hao theo đường thẳng  
d. a và b
- 90. Giá thành sản phẩm chứa đựng các chi phí sau:**
- a. Chi phí sản xuất  
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp  
c. Chi phí bán hàng  
d. Cả 3 chi phí trên
- 91. Để đánh giá khả năng thanh toán của doanh nghiệp, người ta đem so sánh giá trị của các tài sản có tính lỏng cao với:**
- a. Nợ phải trả  
b. Nợ ngắn hạn  
c. Nợ ngắn hạn

b. Tổng nguồn vốn

d. Nguồn vốn dài hạn

## **Chương 7. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**92. Để đánh giá hiệu quả chi NSNN, người ta có thể sử dụng chỉ tiêu nào dưới đây:**

a. Thời gian thu hồi vốn

d. Chỉ số tăng GDP

b. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư

e. c và d

c. Sự ổn định chính trị-xã hội

f. a, b, c và d

**93. Thuế:**

a. Là khoản đóng góp không mang tính chất bắt buộc

c. Cả a và b

b. Không mang tính hoàn trả trực tiếp

**94. Nhận định nào đúng về lệ phí:**

a. Việc thu lệ phí chỉ nhằm bù đắp một phần chi phí Nhà nước bỏ ra

c. Cả a và b

b. Lệ phí mang tính hoàn trả trực tiếp cho người nộp

**95. Phí là khoản thu:**

a. nhằm bù đắp một phần chi phí Nhà nước bỏ ra

c. Cả a và b

b. chỉ áp dụng với những người được hưởng lợi ích

**96. Trong thuế đánh vào hàng hoá, dịch vụ, người chịu thuế là:**

a. Người bán hàng trung gian

c. Người mua hàng

b. Người bán hàng cuối cùng

d. Không có đáp án đúng

*Chọn 1 trong 2 câu 97 và 98:*

**97. Người nộp thuế và người chịu thuế là một trong:**

a. Thuế tài sản

c. Cả a và b

b. Thuế hàng hoá, dịch vụ

**98. Người nộp thuế và người chịu thuế là một trong:**

a. Thuế tài sản

c. Cả a và b

b. Thuế thu nhập

**99. Vai trò quan trọng nhất của thuế tiêu thụ đặc biệt là:**

a. Tăng thu ngân sách nhà nước

c. Kích thích sản xuất

b. Hạn chế tiêu dùng các mặt hàng không có lợi

d. a và c

**100. Khi mua hàng và nộp thuế giá trị gia tăng, giá tính thuế sẽ là:**

a. Giá bán chưa có thuế

c. Giá thanh toán

b. Giá bán đã có thuế

d. a và c

**101. Giá trị gia tăng của doanh nghiệp được tính bằng tổng doanh thu:**

a. Trừ đi chi phí lao động và vốn

c. Trừ đi giá trị hàng hoá trung gian

b. Trừ đi khấu hao

d. a và c

**102. Phí thuộc ngân sách nhà nước thu về:**

a. Bù đắp chi phí đã bỏ ra

c. Không bù đắp chi phí đã bỏ ra

b. Vượt quá chi phí đã bỏ ra

d. Không tính tới chi phí đã bỏ ra



## B. MỨC ĐỘ TRUNG BÌNH

### Chương 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ TÀI CHÍNH VÀ TIỀN TỆ

1. Khi thực hiện chức năng nào sau đây, tiền KHÔNG cần hiện diện thực tế:

- a. Thước đo giá trị
- b. Phương tiện thanh toán
- c. Phương tiện trao đổi
- d. Phương tiện cất trữ

2. Khi doanh nghiệp thanh toán tiền mua hàng thì tiền tệ đã phát huy chức năng:

- a. Trao đổi
- b. Thanh toán
- c. Thước đo giá trị
- d. Cất trữ

3. Trong giao dịch nào sau đây, tiền thực hiện chức năng trao đổi:

- a. Chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng
- b. Mua hàng tại siêu thị
- c. Rút tiền từ máy ATM
- d. a, b và c

4. Khi doanh nghiệp lập bảng cân đối kế toán thì tiền tệ phát huy chức năng nào:

- a. Trao đổi
- b. Thanh toán
- c. Thước đo giá trị
- d. Cất trữ

5. Thẻ ghi nợ (debit card):

- a. Có thể dùng để thanh toán thay tiền mặt tại các điểm chấp nhận thẻ
- b. Là phương tiện để vay nợ ngân hàng
- c. Cả a và b

6. Nhận định nào dưới đây là đúng với séc thông thường:

- a. Séc là một dạng tiền tệ vì nó được chấp nhận chung trong trao đổi hàng hoá và trả nợ
- b. Séc sẽ không có giá trị thanh toán nếu số tiền ghi trên séc vượt quá số dư trên tài khoản séc trừ khi có qui định khác
- c. Cả a và b

7. Để thực hiện tốt chức năng cất trữ giá trị:

- a. Tiền tệ phải có giá trị ổn định
- b. Phải là tiền vàng
- c. Cả a và b

8. Sắp xếp những tài sản sau theo tính lỏng giảm dần: 1. Tài khoản vãng lai; 2. Thẻ tín dụng; 3. Tiền; 4. Cổ phiếu; 5. Tiền gửi tiết kiệm mệnh giá nhỏ:

- a. 3 - 1 - 2 - 5 - 4
- b. 3 - 1 - 5 - 2 - 4
- c. 3 - 5 - 1 - 2 - 4
- d. 3 - 2 - 1 - 5 - 4

9. Điều kiện tối thiểu để một dạng tiền tệ mới được chấp nhận là:

- a. Sự biến động về giá trị của nó có thể kiểm soát được
- b. Nó không bị giảm giá trị theo thời gian
- c. Cả a và b

10. Quy luật Gresham phát huy tác động ở chế độ tiền tệ nào dưới đây:

- a. Chế độ bản vị vàng
- b. Chế độ lưu thông bản vị kép
- c. Chế độ lưu thông tiền giấy
- d. a và b
- e. Cả a, b và c

Chọn 1 trong 2 câu 11 và 12:

11. Sức mua của đồng Việt nam bị giảm sút khi:

- a. Giá hàng hoá lương thực, thực phẩm tăng.
- b. Lạm phát xảy ra
- c. Cả a và b

12. Sức mua của đồng Việt nam bị giảm sút khi:

- a. Đồng đô la Mỹ lên giá.
- b. Giá cả trung bình tăng
- c. Cả a và b

13. Tính thanh khoản của một tài sản là:

- a. Mức độ dễ dàng mà tài sản đó có thể chuyển đổi thành một loại trung gian trao đổi
- b. Khả năng tài sản đó có thể sinh lời
- c. Mức độ dễ dàng mà tài sản đó có thể chuyển đổi thành cổ phiếu thường
- d. Số tiền mà tài sản đó có thể bán được.

**14. Những đặc điểm nào sau đây KHÔNG đúng với đặc điểm của quỹ tiền tệ nói chung:**

- a. Tính sở hữu
- b. Tính mục đích
- c. Tính hoàn trả trực tiếp
- d. Tính vận động thường xuyên

**15. Nhà nước tham gia vào quá trình phân phối tài chính với tư cách nào dưới đây:**

- a. Là người tham gia phân phối lần đầu
- b. Là người tham gia phân phối lại
- c. Cả a và b

## **Chương 2. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH**

**16. Những giao dịch nào dưới đây diễn ra trên thị trường thứ cấp:**

- a. Ngân hàng phát hành trái phiếu tiết kiệm
- b. NHTW mua trái phiếu chính phủ
- c. Cả a và b

**17. Sự khác nhau giữa chứng khoán nợ và chứng khoán vốn là:**

- a. Chứng khoán vốn là chứng khoán dài hạn, còn chứng khoán nợ là chứng khoán ngắn hạn
- b. Chứng khoán vốn được giao dịch trên thị trường vốn còn chứng khoán nợ được giao dịch trên thị trường nợ
- c. Người nắm giữ chứng khoán vốn là chủ sở hữu của doanh nghiệp, người nắm giữ chứng khoán nợ là chủ nợ của người phát hành
- d. a và b
- e. a, b và c

**18. Trái phiếu là một giấy chứng nhận nợ do công ty phát hành cấp cho người mua trái phiếu, kèm theo một số cam kết. Điều cam kết nào sau đây là KHÔNG đúng:**

- a. Thanh toán một số tiền nhất định
- b. Thanh toán vào một ngày xác định
- c. Thanh toán cho một người nhất định
- d. Thanh toán với một mức lãi suất cố định

**19. Người kinh doanh trái phiếu quyết định mua trái phiếu khi:**

- a. Dự báo trong thời gian tới lãi suất giảm
- b. Dự báo trong thời gian tới lãi suất tăng
- c. Dự báo trong thời gian tới lãi suất không đổi
- d. a và c

**20. Trên thị trường chứng khoán Việt Nam, giá tham chiếu được xác định bằng:**

- a. Giá mở cửa của ngày hôm trước
- b. Giá đóng cửa của ngày hôm trước
- c. Giá bình quân của ngày hôm trước
- d. Giá bình quân của ngày liền kề ngày hôm trước

**21. Đặc điểm nào đúng với cổ phiếu phổ thông:**

- a. Cổ tức phụ thuộc vào sự thay đổi của lãi suất thị trường
- b. Cổ đông có thể rút lại vốn góp khi muốn
- c. Nhận cổ tức sau cổ đông cổ phiếu ưu đãi
- d. a và c
- e. b và c
- f. a, b và c

**22. Đặc điểm nào đúng với cổ phiếu:**

- a. Các cổ đông bầu ra Ban giám đốc để quản lý công ty thay mình
- b. Cổ tức phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- c. Cả a và b

**23. Giá cổ phiếu phổ thông của một công ty phụ thuộc vào:**

- a. Quan hệ cung cầu về cổ phiếu đó
- b. Lãi suất trên thị trường
- c. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp
- d. a và c
- e. a, b và c

**24. Thông thường, chủ sở hữu doanh nghiệp đang kinh doanh hiệu quả ưa chuộng phát**

***hành trái phiếu hơn phát hành cổ phiếu ưu đãi, lý do cơ bản là:***

- a. Không muốn chia sẻ quyền quản lý công ty
- b. Lợi ích từ chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp
- c. Phân tán rủi ro
- d. a và c

**25. Công ty cổ phần phát hành cổ phiếu ưu đãi khi:**

- a. Muốn thu hút các nhà đầu tư chứng khoán
- b. Muốn tăng vốn chủ sở hữu
- c. Không muốn chia sẻ bớt quyền lực quản lý công ty
- d. Muốn ưu tiên cho các cổ đông hiện hữu
- e. b và c

**26. Người đầu tư cổ phiếu nhằm mục đích:**

- a. Cổ tức
- b. Tăng giá cổ phiếu trong dài hạn
- c. Tăng giá cổ phiếu trong ngắn hạn
- d. a và b

### **Chương 3. TRUNG GIAN TÀI CHÍNH**

**27. Vốn điều lệ của ngân hàng thương mại:**

- a. Xuất hiện ngay từ khi ngân hàng thành lập
- b. Được huy động từ phát hành cổ phiếu và trái phiếu
- c. Cả a và b

**28. Hiện nay các NHTM ở VN hoạt động kinh doanh:**

- a. Tổng hợp
- b. Chuyên doanh
- c. Chỉ một số hoạt động chuyên doanh

**29. Lý do chính để NH huy động vốn bằng cách phát hành trái phiếu, kỳ phiếu là:**

- a. Có nhu cầu vốn bất thường
- b. Mở rộng hình thức huy động vốn
- c. Cả a và b

**30. Phương thức cho vay luân chuyển dùng trong:**

- a. Cho vay ngắn hạn
- b. Cho vay dài hạn
- c. Cho khách hàng có uy tín
- d. a và c

**31. Hạng mục nào sau đây KHÔNG được tính vào nguồn vốn huy động của ngân hàng:**

- a. Bảo lãnh tín dụng
- b. Tiền gửi có kỳ hạn
- c. Hợp đồng mua lại
- d. Phát hành trái phiếu

**32. Tiền gửi tiết kiệm ở Việt nam:**

- a. Được bảo hiểm nếu tiền gửi là đồng Việt nam
- b. Được bảo hiểm nếu tiền gửi là đô la Mỹ
- c. Cả a và b

**33. Trong hình thức vay theo hạn mức tín dụng:**

- a. Ngân hàng tính lãi trên cơ sở hạn mức tín dụng.
- b. Chi phí mà khách hàng phải trả chỉ là lãi vay.
- c. Cả a và b đều sai

**34. Bảo hiểm là giải pháp thuộc nhóm nào sau đây:**

- a. Nhóm các biện pháp kiểm soát rủi ro
- b. Nhóm các biện pháp tài trợ rủi ro
- c. Cả a và b

**35. Chế độ bồi thường theo mức miễn thường trong bảo hiểm tài sản nhằm mục đích:**

- a. Giảm tỷ lệ phí bảo hiểm
- b. Tăng ý thức trách nhiệm của người tham gia bảo hiểm
- c. Giảm chi phí không cần thiết khi xảy ra tổn thất nhỏ
- d. a và b
- d. Cả a, b và c

**36. Trong bảo hiểm con người, trường hợp bảo hiểm trùng là:**

- a. Không được phép
- b. Được phép
- c. Do sự thỏa thuận của 2 bên
- d. b và c

**37. Những công ty tài chính ở Việt Nam KHÔNG được phép thực hiện nghiệp vụ nào sau đây:**

- a. Nhận tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm trở lên

- b. Nhận tiền gửi không kỳ hạn
  - c. Thực hiện thanh toán cho khách hàng
  - d. a và c
  - e. b và c
- 38. Nếu một công ty bảo hiểm không tính phí bảo hiểm dựa vào mức độ rủi ro thì:**
- a. những khách hàng ít rủi ro cao sẽ tìm đến các công ty khác
  - b. công ty bảo hiểm có thể kiếm lời lớn từ những khách hàng ít rủi ro
  - c. cả a và b
- 39. Nguyên tắc bảo hiểm nào KHÔNG áp dụng với bảo hiểm con người:**
- a. Nguyên tắc trung thực tuyệt đối
  - b. Nguyên tắc thể quyền
  - c. Nguyên tắc tương xứng
  - d. Cả a và c
- 40. Trong loại hình bảo hiểm nào dưới đây bên thứ ba có quyền lợi bồi thường:**
- a. BH tai nạn hành khách
  - b. BH hàng hóa vận chuyển
  - c. BH thân tàu
  - d. BH trách nhiệm dân sự chủ xe cơ giới

#### **Chương 4. NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ**

**41. Nếu NHTW chọn lãi suất làm mục tiêu trung gian, khi cầu tiền tăng:**

- a. Cung tiền sẽ tăng
- b. Cung tiền sẽ giảm
- c. Lãi suất sẽ tăng
- d. Lãi suất sẽ giảm

Chọn 1 trong 2 câu 42 và 43:

**42. Khi NHTW thông báo tăng lãi suất tái chiết khấu:**

- a. Lãi suất trên thị trường sẽ tăng lên
- b. Tỷ lệ tiết kiệm giảm
- c. Nhu cầu đầu tư tăng lên
- d. Cả a, b và c

**43. Khi NHTW thông báo tăng lãi suất tái chiết khấu:**

- a. Lãi suất trên thị trường sẽ tăng lên
- b. Tỷ lệ tiết kiệm giảm
- c. Nhu cầu đầu tư giảm
- d. a và c

**44. Lãi suất tái chiết khấu của NHTW giảm khuyến khích:**

- a. các ngân hàng thương mại giảm dự trữ quá mức làm cung tiền giảm
- b. các ngân hàng thương mại đi vay từ NHTW nhiều hơn làm cung tiền tăng
- c. các ngân hàng thương mại tăng dự trữ quá mức làm cung tiền giảm

**45. Nếu NHTW mua trái phiếu từ công chúng sẽ làm:**

- a. Giá trái phiếu và mức sinh lời của trái phiếu đó tăng
- b. Giá trái phiếu và mức sinh lời của trái phiếu đó giảm
- c. Giá trái phiếu tăng và mức sinh lời của trái phiếu đó giảm
- d. Giá trái phiếu giảm và mức sinh lời của trái phiếu đó tăng

**46. Nghiệp vụ NHTW bán các chứng khoán trên thị trường mở sẽ:**

- a. Làm tăng dự trữ của các ngân hàng
- b. Làm tăng giá các chứng khoán đó
- c. Làm lãi suất tăng
- d. Làm tăng cung ứng vốn trên thị trường tiền tệ

**47. Trong nền kinh tế mở và mọi điều kiện khác không đổi, khi NHTW mua ngoại tệ:**

- a. Tỷ giá sẽ tăng lên
- b. Lãi suất nội tệ có xu hướng giảm
- c. Cung tiền sẽ giảm
- d. a và b

**48. Lạm phát có thể xảy ra khi:**

- a. Giá dầu tăng
- b. NHTW mua chứng khoán trên thị trường mở
- c. a và b
- d. Cả a, b và c

c. NHTW phá giá tiền tệ

**49. Nguyên nhân quan trọng dẫn đến lạm phát ở Việt Nam những năm 1980 là:**

- a. Sản xuất kinh doanh trì trệ
- b. Hậu quả chiến tranh
- c. Chi phí đẩy
- d. Cả a, b và c

## **Chương 5. LÃI SUẤT**

**50. Để so sánh lãi suất trên thị trường, ta căn cứ vào những yếu tố nào sau đây:**

- a. Lãi / Vốn vay
- b. Thời hạn cho vay
- c. Thời hạn tính lãi
- d. Cả a, b và c

**51. Thay đổi của yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến lãi suất:**

- a. Tỷ suất lợi nhuận bình quân
- b. Tình trạng thâm hụt ngân sách nhà nước
- c. Lạm phát dự tính
- d. Cả a, b và c

**52. Lãi suất thực giảm khi:**

- a. Lãi suất danh nghĩa giảm
- b. Lạm phát tăng nhanh hơn dự kiến
- c. Cả a và b

**53. Giá của một trái phiếu đang lưu hành sẽ tăng lên khi:**

- a. Một NHTM đứng ra đảm bảo thanh toán cho nó
- b. Lợi nhuận của công ty phát hành trái phiếu dự tính sẽ tăng
- c. Cả a và b

**54. Giá của một trái phiếu đang lưu hành sẽ giảm xuống khi:**

- a. Lợi nhuận của công ty phát hành trái phiếu dự tính sẽ giảm
- b. Lạm phát dự tính tăng lên
- c. Cả a và b

**55. Lãi suất hoàn vốn của một trái phiếu coupon đang lưu hành sẽ giảm xuống khi:**

- a. Lợi nhuận của công ty giảm
- b. Giá trái phiếu đó tăng
- c. Cả a và b

**56. Loại lãi suất nào được sử dụng trong trường hợp trả lãi trước:**

- a. Lãi suất của khoản cho vay chiết khấu
- b. Lãi suất của khoản cho vay ứng trước
- c. Cả a và b

**57. Bạn gửi vào ngân hàng một triệu đồng với lãi suất 10%/năm ghép lãi hàng năm, tổng số tiền gốc và lãi bạn nhận được sau 3 năm sẽ là:**

- a. 1.300.000 đ
- b. 1.331.000 đ
- c. 1.302.000 đ
- d. 1.210.000 đ

## **Chương 6. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**

**58. Khi vốn lưu động thường xuyên ròng (net working capital) của doanh nghiệp là số âm, điều đó có nghĩa:**

- a. Doanh nghiệp đã dùng nguồn vốn dài hạn tài trợ cho các tài sản ngắn hạn
- b. Doanh nghiệp đã dùng nguồn vốn ngắn hạn tài trợ cho các tài sản dài hạn.
- c. Giảm nhẹ nhu cầu thanh toán nợ ngắn hạn của doanh nghiệp

**59. Khi tổng giá trị tài sản ròng của doanh nghiệp định giá theo tiêu chuẩn kế toán mới cao hơn trước:**

- a. Giá trị của mỗi cổ phần doanh nghiệp tăng lên theo
- b. Giá trị thị trường của mỗi cổ phần doanh nghiệp không thay đổi
- c. Không có đáp án đúng

**60. Khi tổng giá trị tài sản ròng của doanh nghiệp định giá theo tiêu chuẩn kế toán mới thấp hơn trước:**

- a. Giá trị ghi sổ của mỗi cổ phần doanh nghiệp giảm theo
- c. Cả a và b



- b. Giá trị thị trường của mỗi cổ phần doanh nghiệp giảm theo  
c. Không có đáp án đúng
- 61. Khi tổng giá trị tài sản ròng của doanh nghiệp định giá theo tiêu chuẩn kế toán mới thấp hơn trước:**
- a. Giá trị ghi sổ của mỗi cổ phần doanh nghiệp giảm theo  
b. Giá trị thị trường của mỗi cổ phần doanh nghiệp không thay đổi  
c. Cả a và b
- 62. Tiền nộp bảo hiểm xã hội cho công nhân đứng máy được doanh nghiệp trích từ:**
- a. Lợi nhuận doanh nghiệp  
b. Chi phí sản xuất  
c. Quỹ phúc lợi khen thưởng  
d. Chi phí quản lý doanh nghiệp
- 63. Tổng vốn lưu động của doanh nghiệp sẽ KHÔNG thay đổi khi:**
- a. Doanh nghiệp mua nguyên vật liệu thanh toán ngay  
b. Doanh nghiệp bán chịu hàng hoá  
c. Cả a và b
- 64. Khi doanh nghiệp vay ngân hàng để mua máy móc thiết bị, bảng cân đối kế toán sẽ thay đổi như thế nào?**
- a. Tài sản tăng, nguồn vốn giảm  
b. Tài sản giảm, nguồn vốn giảm  
c. Tài sản tăng, nguồn vốn tăng  
d. Tài sản giảm, nguồn vốn tăng
- 65. Khi doanh nghiệp trả nợ vay dài hạn thì tài sản, nguồn vốn nào thay đổi:**
- a. Vay dài hạn  
b. Tài sản bằng tiền  
c. Nợ dài hạn đến hạn trả  
d. b và c
- 66. Nguồn nào sau đây làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp:**
- a. Lợi nhuận không chia  
b. Phát hành trái phiếu  
c. Vốn vay từ công ty mẹ  
d. Phát hành cổ phiếu  
e. a và d  
f. a, c và d
- 67. Khi tỷ số phản ánh khả năng thanh toán của doanh nghiệp có xu hướng giảm xuống qua các kì kinh doanh, điều đó thể hiện:**
- a. Doanh nghiệp đang có tình hình tài chính lành mạnh và tốt lên  
b. Doanh nghiệp đang có tình hình tài chính ngày càng xấu đi  
c. Giá trị tài sản ngắn hạn có tốc độ tăng chậm hơn nợ ngắn hạn  
d. b và c
- 68. Thước đo tốt nhất để đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp là:**
- a. Tỷ số kỳ trước của doanh nghiệp  
b. Chỉ tiêu kế hoạch của doanh nghiệp  
c. Tỷ số bình quân của ngành  
d. Tỷ số của doanh nghiệp tương tự  
e. c và d
- 69. Tỷ lệ nợ của doanh nghiệp được đo bằng cách nào là dễ so sánh nhất:**
- a. Nợ/ Tổng vốn  
b.  $(\text{Nợ} / \text{Tổng vốn}) \times 100\%$   
c. Nợ/ Vốn chủ sở hữu  
d. Nợ/ Tổng nguồn vốn
- 70. Chỉ tiêu nào KHÔNG được sử dụng để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cố định:**
- a. Hiệu suất sử dụng vốn cố định  
b. Mức sinh lời của vốn cố định  
c. Tốc độ luân chuyển của vốn cố định  
d. Hệ số hao mòn vốn cố định
- 71. Lợi nhuận thực lãi về kinh doanh có thể được dùng để:**
- a. Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước  
b. Trả lãi vay ngân hàng  
c. Trả cổ tức cho cổ đông  
d. Cả a, b và c
- 72. Ở Việt Nam, những thu nhập nào sau đây KHÔNG được sử dụng làm cơ sở tính thuế:**
- a. Thu nhập do doanh nghiệp bán TSCĐ sau khi đã khấu hao hết  
b. Thu nhập do doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi đầu tư trên thị trường tài chính

- c. Thu nhập do doanh nghiệp đã bán hàng, nhưng thực tế chưa thu tiền về
  - d. Tiền do doanh nghiệp thu tiền bán hàng năm trước
- 73. Yếu tố nào sau đây KHÔNG giúp cải thiện khả năng thanh toán hiện thời:**
- a. Vay ngắn hạn để tài trợ mua thêm tài sản cố định
  - b. Vay nợ dài hạn để mua hàng tồn kho
  - c. Bán cổ phiếu thường để trả nợ ngắn hạn
  - d. Bán tài sản cố định để giảm các khoản phải trả
- 74. Xác định vòng quay của vốn của một doanh nghiệp biết  $ROA = 8\%$ , tỷ suất lợi nhuận ròng  $= 5\%$ , tổng tài sản  $= 8$  tỷ VNĐ?**
- a. 1.60
  - b. 2.05
  - c. 2.50
  - d. 4.00

## Chương 7. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

- 75. Nội dung của nguyên tắc cân đối NSNN là:**
- a. Tổng thu lớn hơn tổng chi và có tích lũy
  - b. Chi thường xuyên lớn hơn thu thường xuyên và có tích lũy
  - c. Thu thường xuyên lớn hơn chi thường xuyên và có tích lũy
  - d. Tổng chi lớn hơn tổng thu và có tích lũy
- 76. Mục đích của nguyên tắc cân đối Ngân sách Nhà nước là:**
- a. Dự báo lãi suất giảm trong thời gian tới
  - b. Dự báo lãi suất tăng trong thời gian tới
  - c. Dự báo lãi suất không đổi trong thời gian tới
  - d. a và c
- 77. Thuế suất lũy tiến từng phần đảm bảo nguyên tắc nào sau đây:**
- a. Nguyên tắc ổn định
  - b. Nguyên tắc công bằng
  - c. Nguyên tắc hiệu quả
  - d. Rõ ràng, minh bạch
- 78. Mức độ vay nợ của ngân sách nhà nước phụ thuộc trực tiếp vào những yếu tố nào sau đây:**
- a. Nhu cầu chi tiêu của chính phủ
  - b. Tổng sản phẩm quốc nội
  - c. Hiệu quả chi tiêu của chính phủ
  - d. a và b
  - e. a, b và c
- 79. Hiện nay, những nguyên tắc nào sau đây được áp dụng phổ biến để xác định đối tượng nộp thuế thu nhập:**
- a. Nguyên tắc quốc tịch + nguyên tắc cư trú
  - b. Nguyên tắc quốc tịch + nguyên tắc lãnh thổ
  - c. Nguyên tắc cư trú + nguyên tắc lãnh thổ
  - d. Cả 3 nguyên tắc cư trú, lãnh thổ và quốc tịch
- 80. Trong những câu sau đây, câu nào KHÔNG đúng với bản chất thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của một doanh nghiệp Việt nam?**
- a. Thu nhập chịu thuế là thu nhập nhận được sau khi đã trừ đi các chi phí thực tế trong kỳ
  - b. Thu nhập chịu thuế là thu nhập bằng tiền mà doanh nghiệp thực sự nhận được trong kỳ tính thuế
  - c. Thu nhập chịu thuế là thu nhập bao gồm cả giá trị tăng thêm của giá trị thị trường của doanh nghiệp
  - d. Thu nhập chịu thuế bao gồm cả thu nhập phát sinh ở nước ngoài
  - e. b và c

**81. Thông thường giá tính thuế được áp dụng theo:**

- a. Bảng giá tối thiểu của nhà nước
- b. Giá thị trường
- c. Giá hợp đồng
- d. Cả a,b và c

**82. Loại thuế nào KHÔNG được tính vào doanh thu thuần của doanh nghiệp:**

- a. Thuế thu nhập doanh nghiệp
- b. Thuế xuất khẩu
- c. Thuế tiêu thụ đặc biệt
- d. b và c

**83. Biện pháp nào được sử dụng phổ biến nhất để bù đắp bội chi NSNN:**

- a. Phát hành tiền
- b. Thực hiện nghiệp vụ thị trường mở
- c. Phát hành tín phiếu NHTW
- d. Vay nợ

**84. Biện pháp nào được sử dụng phổ biến nhất để bù đắp bội chi NSNN ở Việt Nam trong những năm 1980:**

- a. Phát hành tiền
- b. Thực hiện nghiệp vụ thị trường mở
- c. Phát hành tín phiếu NHTW
- d. Vay nợ

**85. Chỉ số bội chi NSNN được đo bằng tỷ số giữa số vay nợ trong năm NS với:**

- a. Tổng chi NSNN
- b. Tổng thu nhập quốc nội
- c. Tổng thu nhập quốc dân
- d. Tổng thu NSNN

## C. MỨC ĐỘ NÂNG CAO

### Chương 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ TÀI CHÍNH VÀ TIỀN TỆ

#### 1. Trong kênh tài chính gián tiếp:

- Ngân hàng phát hành trái phiếu ngân hàng
- Cá nhân sử dụng dịch vụ mua nhà trả góp của ngân hàng
- Các công ty lớn vay tiền từ ngân hàng trên thị trường tiền tệ
- Cả a, b và c.

### Chương 2. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

#### 2. Điểm khác quan trọng nhất giữa cổ phiếu và trái phiếu là:

- Thời hạn hoàn vốn
- Cách tính lãi
- Quyền tham gia quản lý công ty
- a và b

### Chương 3. TRUNG GIAN TÀI CHÍNH

#### 3. Thông tin không cân xứng được hiểu là:

- Ngân hàng không cung cấp cho người gửi tiền mọi thông tin liên quan đến tài khoản của họ
- Người cho vay có khuynh hướng không cho người vay biết thông tin
- Người mua có nhiều thông tin hơn người bán
- Người đi vay có nhiều thông tin hơn người cho vay

#### 4. Tỷ lệ miễn thường giúp giải quyết vấn đề rủi ro đạo đức cho các công ty bảo hiểm do:

- Tỷ lệ miễn thường ngăn không cho phép các công ty có nhiều rủi ro mua bảo hiểm
- Tỷ lệ miễn thường giúp ngăn chặn người mua bảo hiểm lập chứng từ giả đòi bảo hiểm
- Tỷ lệ miễn thường giảm số tiền mà người mua bảo hiểm phải trả
- Tỷ lệ miễn thường buộc người mua bảo hiểm phải trả một phần phí tổn

#### 5. Trong mối quan hệ biện chứng giữa các nhóm nghiệp vụ của NH thì nghiệp vụ nào là khâu quan trọng nhất (khâu đột phá):

- Nghiệp vụ cho vay
- Nghiệp vụ huy động
- Nghiệp vụ thanh toán

#### 6. Giá cả của bảo hiểm là:

- Tiền phí bảo hiểm
- Tỷ lệ bảo hiểm
- Phí bảo hiểm
- Không có phương án nào đúng

#### 7. Việc công ty bảo hiểm KHÔNG chấp nhận rủi ro “Người mua không trả tiền hàng” xuất phát từ nguyên tắc bảo hiểm nào:

- Nguyên tắc trung thực tuyệt đối
- Nguyên tắc không trút hết trách nhiệm
- Nguyên tắc tương xứng
- Nguyên tắc bồi thường vừa đủ

#### 8. Vốn tự có của ngân hàng ABC ở Việt Nam là 1000 tỷ đồng. Tổng các khoản vay mà ngân hàng ABC có thể cho một khách hàng vay tối đa là:

- 50 tỷ đồng
- 100 tỷ đồng
- 150 tỷ đồng
- 200 tỷ đồng

#### 9. Ở Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị của một tổ chức tín dụng có thể làm:

- Tổng GD của tổ chức tín dụng đó
- Phó Tổng GD của tổ chức tín dụng đó
- Tham gia vào hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng khác
- Tất cả đều sai

## Chương 4. NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

### 10. Có những số liệu sau:

Chỉ số bán lẻ năm 1 = 100

Nước	Năm 2	Năm 3
A	100	110
B	112	132
C	115	138

### Tỷ lệ lạm phát của năm thứ 3 so với năm thứ 2:

- a. Nước A cao nhất
- b. Nước B cao nhất
- c. Nước C cao nhất
- d. Không đủ dữ liệu để xác định

### 11. Tiền dự trữ bắt buộc của các ngân hàng thương mại gửi ở NHNN Việt nam hiện nay:

- a. phụ thuộc vào quy mô cho vay của ngân hàng thương mại
- b. để đảm bảo khả năng chi trả của ngân hàng
- c. được NHNN trả lãi không kỳ hạn
- d. Cả b và c
- e. Cả a, b và c

## Chương 5. LÃI SUẤT

### 12. Nhà nước phát hành trái phiếu kho bạc thời hạn 5 năm, trả lãi hàng năm, đó là lãi suất:

- a. Đơn
- b. Ghép
- c. Danh nghĩa
- d. Thực tế
- e. b và c

### 13. Cho vay 10 triệu đồng trong 1 năm. Vốn và lãi trả cuối kỳ. Lãi suất là 8%/năm. Tổng số tiền nhận được sau 1 năm sẽ là:

- a. 10.816.000 đồng nếu ghép lãi nửa năm
- b. 10.799.000 đồng nếu không ghép lãi
- c. Cả a và b

### 14. Hình thức đầu tư nào có mức sinh lời cao hơn:

- a. Mua kỳ phiếu ngân hàng kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 0,7%/tháng, thanh toán cả gốc và lãi một lần vào cuối kỳ.
- b. Gửi tiết kiệm ngân hàng kỳ hạn 1 năm với lãi suất 8,39%/năm, lãi trả đầu kỳ, vốn trả cuối kỳ
- c. Không xác định được

### 15. Hình thức đầu tư nào có mức sinh lời cao hơn:

- a. Mua kỳ phiếu ngân hàng kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 0,7%/tháng, thanh toán cả gốc và lãi một lần vào cuối kỳ, nửa năm ghép lãi một lần.
- b. Gửi tiết kiệm ngân hàng kỳ hạn 1 năm với lãi suất 8,5%/năm, vốn và lãi trả cuối kỳ
- c. Không xác định được

### 16. Gửi tiết kiệm 1.000.000đ kỳ hạn 6 tháng (lãi trả cuối kỳ) với lãi suất 0,8%/tháng. Sẽ thu được (giả thiết lãi suất không đổi trong suốt năm đó):

- a. 1.048.970đ sau 6 tháng
- b. 1.100.338đ sau 1 năm
- c. 1.098.304đ sau 1 năm
- d. Cả a và c

### 17. Bạn gửi 2.000 USD vào ngân hàng với lãi suất 10%/năm trong 30 năm, giá trị tương lai của khoản đầu tư này là:

- a. 8.000 USD
- b. 34.898 USD
- c. 40.171 USD
- d. 164.500 USD

### 18. Bạn vay 10.000 USD để mua xe trong 3 năm với lãi suất 6%/năm. Theo hợp đồng vay, bạn phải trả làm ba lần bằng nhau (cả gốc lẫn lãi) vào cuối mỗi năm trong ba năm. Vậy, mỗi năm bạn phải trả:



- a. 3.933 USD
- b. 2.763 USD
- c. 3.741 USD
- d. 3.970 USD

**19. Hiện nay, Việt nam áp dụng cơ chế lãi suất cho vay nào sau đây:**

- a. Quy định trần lãi suất cho vay
- b. Cho vay theo lãi suất thoả thuận
- c. Cho vay dựa trên lãi suất cơ bản + biên độ
- d. a, b, c đều sai

## **Chương 6. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**

**20. Trong bảng cân đối kế toán của NHTM, khoản cho vay (tín dụng) thuộc về:**

- a. Tài sản lưu động
- b. Nguồn vốn vay
- c. Nợ phải trả

**21. Một cơ sở sản xuất bia có các tài liệu một quý như sau: tiền thuê nhà cửa: 8 triệu đồng, thuế TTĐB phải nộp mỗi quý (khoán) là 10 triệu đồng, các loại chi phí cố định khác: 12 triệu đồng. chi phí sản xuất ra một chai bia là 2.500 đồng, đơn giá bán một chai bia là 5.000 đồng, số lượng bia sản xuất trong quý là 20.000 chai. Vậy doanh thu hoà vốn là:**

- a. 100 triệu đồng
- b. 60 triệu đồng
- c. 80 triệu đồng
- d. 30 triệu đồng

**22. Khoản nào sau đây được coi là chi phí kinh doanh của doanh nghiệp**

- a. Nộp thuế giá trị gia tăng
- b. Chi phí nguyên vật liệu
- c. Lãi của khoản vay ngân hàng để tăng quỹ đầu tư phát triển
- d. a và b
- e. a, b và c

**23. Khoản nợ phải trả nào dưới đây của doanh nghiệp KHÔNG phải là khoản vay:**

- a. Nợ ngân hàng
- b. Nợ thuế
- c. Nợ trái phiếu
- d. b và c

## **Chương 7. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**24. Tính hiệu quả trong tiêu thức xây dựng hệ thống thuế hiện đại được hiểu là:**

- a. Giảm tối thiểu những tác động tiêu cực của thuế trong phân bổ nguồn lực vốn đã đạt hiệu quả
- b. Tổng số thuế thu được nhiều nhất và chi phí thu thuế của cơ quan thuế là thấp nhất
- c. Chi phí gián tiếp của người nộp thuế là thấp nhất
- d. a và c
- e. b và c
- f. Cả a, b và c

**25. Tính cân bằng theo chiều dọc trong tiêu thức xây dựng hệ thống thuế hiện đại được hiểu là:**

- a. Cân bằng theo lợi ích
- b. Những người có thu nhập, điều kiện ngang nhau thì có gánh nặng thuế như nhau
- c. Những người có thu nhập, điều kiện khác nhau thì có gánh nặng thuế khác nhau
- d. Người giàu phải nộp thuế nhiều hơn người nghèo, tỷ lệ thuận với chênh lệch thu nhập

**26. Luật thuế Thu nhập cá nhân quy định "Người trả thu nhập cao có nghĩa vụ trích nộp thuế thu nhập cho nhà nước" xuất phát từ nguyên tắc đánh thuế nào:**

- a. Nguyên tắc công bằng
- b. Nguyên tắc đơn giản
- c. Nguyên tắc trung lập
- d. Nguyên tắc rõ ràng

**27. Loại thuế nào sau đây áp dụng băng giá tối thiểu khi tính thuế:**

- a. Thuế GTGT và thuế thu nhập
- b. Thuế nhà đất và thuế nhập khẩu
- c. Thuế nhập khẩu
- d. Thuế tài nguyên và thuế TTĐB